

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH CÁC BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

1. BẢNG 01: ĐẤT TRỒNG CÂY HÀNG NĂM

Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên huyện, thành phố TTPTQĐ đề xuất	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND			Giá đất điều chỉnh		
		Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác
		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)	
1	Huyện Mộc Châu						
-	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Thị trấn Mộc Châu, Xã Mường Sang, Xã Phiêng Luông, Xã Tân Lập, Xã Đông Sang	45	34	33	60	45	43
-	Các xã: Xã Chiềng Hắc, Xã Nà Mường, Xã Chiềng Sơn, Xã Hua Păng	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Tà Lại, Xã Tân Hợp, Xã Quy Hương, Xã Chiềng Khừa, Xã Lóng Sập	33	23	22	33	23	22
2	Thành Phố Sơn La						
	Các xã, phường: Phường Chiềng An; Phường Chiềng Cơi; Phường Chiềng Lề; Phường Chiềng Sinh; Phường Quyết Tâm; Phường Quyết Thắng; Phường Tô Hiệu; Xã Chiềng Cọ; Xã Chiềng Ngần; Xã Chiềng Xôm; Xã Hua La; Xã Chiềng Đen	45	34	33	54	41	40
3	Huyện Thuận Châu						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Thuận Châu	45	34	33	54	41	40
-	Các xã: Xã Bó Mười; Xã Bon Phặng; Xã Chiềng Ly; Xã Chiềng Pắc; Xã Chiềng Pha; Xã Liệp Tè; Xã Muối Nội; Xã Mường Khiêng; Xã Noong Lay; Xã Phổng Lái; Xã Phổng Lăng; Xã Tông Cọ; Xã Tông Lạnh; Xã Thôn Mòn	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Bản Lầm; Xã Co Mạ; Xã Co Tông; Xã Chiềng Bôm; Xã Chiềng La; Xã Chiềng Ngâm; Xã É Tông; Xã Long Hẹ; Xã Mường Bám; Xã Mường É; Xã Nậm Lầu; Xã Pá Lông; Xã Púng Tra; Xã Phổng Lập	33	23	22	33	23	22
4	Huyện Mai Sơn						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Hát Lót; Xã Cò Nòi; Xã Chiềng Ban; Xã Chiềng Mung; Xã Chiềng Sung; Xã Hát Lót; Xã Mường Bằng; Xã Mường Bon; Xã Nà Bó	45	34	33	50	38	37
-	Các xã: Xã Chiềng Chăn; Xã Chiềng Chung; Xã Chiềng Dong; Xã Chiềng Kheo; Xã Chiềng Lương; Xã Chiềng Mai; Xã Chiềng Ve; Xã Mường Chanh	38	28	27	42	31	30

STT	Tên huyện, thành phố TTPTQĐ đề xuất	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND			Giá đất điều chỉnh		
		Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác
		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)	
-	Các xã: Xã Chiềng Nọi; Xã Nà Ốt; Xã Phiềng Cầm; Xã Phiềng Păn; Xã Tà Hộc	33	23	22	33	23	22
5	Huyện Yên Châu						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Yên Châu; Xã Chiềng Sàng; Xã Lóng Phiềng; Xã Phiềng Khoài; Xã Viêng Lán; Xã Yên Sơn	45	34	33	50	38	37
-	Các xã: Xã Chiềng Hặc; Xã Tú Nang; Xã Sập Vạt; Xã Chiềng Khoi; Xã Chiềng Păn	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Chiềng Tương; Xã Chiềng Đông; Xã Chiềng On; Xã Mường Lựm.	33	23	22	33	23	22
6	Huyện Mường La						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Ít Ong; Xã Mường Bú; Xã Mường Chùm	45	34	33	50	38	37
-	Các xã: Xã Chiềng San; Xã Mường Trai; Xã Năm Păm; Xã Pi Tong; Xã Tạ Bú	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Chiềng Ân; Xã Chiềng Công; Xã Chiềng Hoa; Xã Chiềng Lao; Xã Chiềng Muôn; Xã Hua Trai; Xã Nậm Giôn; Xã Nậm Giôn; Xã Ngọc Chiến	33	23	22	33	23	22
7	Huyện Phù Yên						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Phù Yên; Xã Quang Huy; Xã Huy Bắc; Xã Huy Hạ; Xã Mường Cơi; Xã Gia Phù	45	34	33	50	38	37
-	Các xã: Xã Huy Tường; Xã Tân Lang; Xã Tường Phong; Xã Huy Tân; Xã Huy Thượng; Xã Mường Lang; Xã Tường Hạ; Xã Tường Phù; Xã Tường Tiến; Xã Mường Thái; Xã Tân Phong; Xã Tường Thượng	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Bắc Phong; Xã Đá Đỏ; Xã Kim Bon; Xã Mường Bang; Xã Mường Do; Xã Nam Phong; Xã Sập Xa; Xã Suối Bau; Xã Suối Tọ	33	23	22	33	23	22
8	Huyện Sông Mã						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Sông Mã; Xã Chiềng Cang; Xã Chiềng Khương	45	34	33	50	38	37

u

STT	Tên huyện, thành phố TTPTQĐ đề xuất	Giá đất theo Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND			Giá đất điều chỉnh		
		Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác	Đất trồng lúa		Đất trồng cây hàng năm khác
		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)		Đất chuyên trồng lúa nước (lúa 2 vụ)	Đất trồng lúa nước còn lại (lúa 1 vụ)	
-	Xã Chiềng Khoong; Xã Nà Nghị; Xã Mường Hung	38	28	27	42	31	30
-	Xã Mường Lắm; Xã Bó Sinh; Xã Chiềng En; Xã Chiềng Phung; Xã Chiềng Sơ; Xã Đứa Mòn; Xã Huổi Một; Xã Mường Cai; Xã Mường Sai; Xã Yên Hưng; Xã Nậm Mẩn; Xã Nậm Ty; Xã Pú Bấu	33	23	22	33	23	22
9	Huyện Bắc Yên						
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Bắc Yên	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Chiềng Sại; Xã Chim Vàn; Xã Hang Chú; Xã Háng Đồng; Xã Hồng Ngải; Xã Hua Nhân; Xã Làng Châu; Xã Mường Khoa; Xã Pắc Ngà; Xã Phiêng Ban; Xã Phiêng Côn; Xã Song Pe; Xã Tạ Khoa; Xã Tà Xùa; Xã Xím Vàng.	33	23	22	33	23	22
10	Huyện Vân Hồ						
-	Xã Vân Hồ; Xã Lóng Luông; Xã Xuân Nha; Xã Chiềng Khoa	38	28	27	42	31	30
-	Xã Chiềng Xuân; Xã Mường Tè; Xã Song Khùa; Xã Liên Hòa; Xã Tô Múa; Xã Tân Xuân; Xã Suối Bàng; Xã Quang Minh; Xã Chiềng Yên; Xã Mường Men	33	23	22	33	23	22
11	Huyện Sốp Cộp						
-	Xã Sốp Cộp	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Dồm Cang; Xã Mường Lạn; Xã Mường Lèo; Xã Mường Vả; Xã Nậm Lạnh; Xã Púng Bính; Xã Sam Kha	33	23	22	33	23	22
12	Huyện Quỳnh Nhai						
-	Các xã: Xã Chiềng Bằng; Xã Chiềng Khoang; Xã Chiềng Ôn; Xã Mường Chiên; Xã Mường Giàng; Xã Mường Giôn; Xã Mường Sại; Xã Pắc Ma Pha Khinh	38	28	27	42	31	30
-	Các xã: Xã Cà Nàng; Xã Chiềng Khay; Xã Nậm Ết	33	23	22	33	23	22

ut

Phụ lục*(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)***Phụ lục I****ĐIỀU CHỈNH CÁC BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP****2. BẢNG 02: ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM***Đơn vị: nghìn đồng/m²*

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
1	Huyện Mộc Châu		
-	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Thị trấn Mộc Châu, Xã Mường Sang, Xã Phiêng Luông, Xã Tân Lập, Xã Đông Sang	40	52
-	Các xã: Xã Chiềng Hắc, Xã Nà Mường, Xã Chiềng Sơn, Xã Hua Păng	35	39
-	Các xã: Xã Tà Lại, Xã Tân Hợp, Xã Quy Hướng, Xã Chiềng Khừa, Xã Lóng Sập	30	30
2	Thành Phố Sơn La		
	Các xã, phường: Phường Chiềng An; Phường Chiềng Cơi; Phường Chiềng Lê; Phường Chiềng Sinh; Phường Quyết Tâm; Phường Quyết Thắng; Phường Tô Hiệu; Xã Chiềng Cọ; Xã Chiềng Ngần; Xã Chiềng Xôm; Xã Hua La; Xã Chiềng Đen	40	48
3	Huyện Thuận Châu		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Thuận Châu	40	48
-	Các xã: Xã Bó Mười; Xã Bon Phặng; Xã Chiềng Ly; Xã Chiềng Pắc; Xã Chiềng Pha; Xã Liệp Tè; Xã Muối Nội; Xã Mường Khiêng ; Xã Noong Lay; Xã Phổng Lái; Xã Phổng Láng; Xã Tông Cọ; Xã Tông Lạnh; Xã Thôn Mòn	35	39

ut

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
-	Các xã: Xã Bản Lầm; Xã Co Mạ; Xã Co Tòng; Xã Chiềng Bôm; Xã Chiềng La; Xã Chiềng Ngâm; Xã É Tòng; Xã Long Hẹ; Xã Mường Bám; Xã Mường É; Xã Nậm Lầu; Xã Pá Lông; Xã Púng Tra; Xã Phổng Lập	30	30
4	Huyện Mai Sơn		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Hát Lót; Xã Cò Nòi; Xã Chiềng Ban; Xã Chiềng Mung; Xã Chiềng Sung; Xã Hát Lót; Xã Mường Bằng; Xã Mường Bon; Xã Nà Bó	40	44
-	Các xã: Xã Chiềng Chăn; Xã Chiềng Chung; Xã Chiềng Dong; Xã Chiềng Kheo; Xã Chiềng Lương; Xã Chiềng Mai; Xã Chiềng Ve; Xã Mường Chanh	35	39
-	Các xã: Xã Chiềng Nọi; Xã Nà Ót; Xã Phiêng Cầm; Xã Phiêng Păn; Xã Tà Hộc	30	30
5	Huyện Yên Châu		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Yên Châu; Xã Chiềng Sàng; Xã Lóng Phiêng; Xã Phiêng Khoài; Xã Viêng Lán; Xã Yên Sơn	40	44
-	Các xã: Xã Chiềng Hặc; Xã Tú Nang; Xã Sập Vạt; Xã Chiềng Khoi; Xã Chiềng Păn	35	39
-	Các xã: Xã Chiềng Tương; Xã Chiềng Đông; Xã Chiềng On; Xã Mường Lựm.	30	30
6	Huyện Mường La		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Ít Ong; Xã Mường Bú; Xã Mường Chùm	40	44
-	Các xã: Xã Chiềng San; Xã Mường Trai; Xã Năm Păm; Xã Pi Tong; Xã Tà Bú	35	39

ut

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
-	Các xã: Xã Chiềng Ân; Xã Chiềng Công; Xã Chiềng Hoa; Xã Chiềng Lao; Xã Chiềng Muôn; Xã Hua Trai; Xã Nậm Giôn; Xã Nậm Giôn; Xã Ngọc Chiến	30	30
7	Huyện Phù Yên		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Phù Yên; Xã Quang Huy; Xã Huy Bắc; Xã Huy Hạ; Xã Mường Cơi; Xã Gia Phù	40	44
-	Các xã: Xã Huy Tường; Xã Tân Lang; Xã Tường Phong; Xã Huy Tân; Xã Huy Thượng; Xã Mường Lang; Xã Tường Hạ; Xã Tường Phù; Xã Tường Tiến; Xã Mường Thái; Xã Tân Phong; Xã Tường Thượng	35	39
-	Các xã: Xã Bắc Phong; Xã Đá Đỏ; Xã Kim Bon; Xã Mường Bang; Xã Mường Do; Xã Nam Phong; Xã Sập Xa; Xã Suối Bau; Xã Suối Tọ	30	30
8	Huyện Sông Mã		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Sông Mã; Xã Chiềng Cang; Xã Chiềng Khương	40	44
-	Xã Chiềng Khoong; Xã Nà Nghị; Xã Mường Hung	35	39
-	Xã Mường Lầm; Xã Bó Sinh; Xã Chiềng En; Xã Chiềng Phung; Xã Chiềng Sơ; Xã Đứa Mòn; Xã Huổi Một; Xã Mường Cai; Xã Mường Sai; Xã Yên Hưng; Xã Nậm Mần; Xã Nậm Ty; Xã Pú Bấu	30	30
9	Huyện Vân Hồ		
-	Xã Vân Hồ; Xã Lóng Luông; Xã Xuân Nha; Xã Chiềng Khoa	35	39
-	Xã Chiềng Xuân; Xã Mường Tè; Xã Song Khủa; Xã Liên Hòa; Xã Tô Múa; Xã Tân Xuân; Xã Suối Bàng; Xã Quang Minh; Xã Chiềng Yên; Xã Mường Men	30	30
10	Huyện Bắc Yên		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Bắc Yên	35	39

wt

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
-	Các xã: Xã Chiềng Sại; Xã Chim Vàn; Xã Hang Chú; Xã Háng Đồng; Xã Hồng Ngải; Xã Hua Nhàn; Xã Làng Châu; Xã Mường Khoa; Xã Pắc Ngà; Xã Phiêng Ban; Xã Phiêng Côn; Xã Song Pe; Xã Tạ Khoa; Xã Tà Xùa; Xã Xím Vàng.	30	30
11	Huyện Sốp Cộp		
-	Xã Sốp Cộp	35	39
-	Các xã: Xã Dồm Cang; Xã Mường Lạn; Xã Mường Lèo; Xã Mường Vả; Xã Nậm Lạnh; Xã Púng Bánh; Xã Sam Kha	30	30
12	Huyện Quỳnh Nhai		
-	Các xã: Xã Chiềng Bằng; Xã Chiềng Khoang; Xã Chiềng Ôn; Xã Mường Chiên; Xã Mường Giàng; Xã Mường Giôn; Xã Mường Sại; Xã Pắc Ma Pha Khinh	35	39
-	Các xã: Xã Cà Nàng; Xã Chiềng Khay; Xã Nậm Ét	30	30

wf

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH CÁC BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP****3. BẢNG 03: ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
1	Huyện Mộc Châu		
-	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Thị trấn Mộc Châu, Xã Mường Sang, Xã Phiêng Luông, Xã Tân Lập, Xã Đông Sang	45	54
-	Các xã: Xã Chiềng Hắc, Xã Nà Mường, Xã Chiềng Sơn, Xã Hua Păng	38	42
-	Các xã: Xã Tà Lại, Xã Tân Hợp, Xã Quy Hướng, Xã Chiềng Khừa, Xã Lóng Sập	33	33
2	Thành Phố Sơn La		
	Các xã, phường: Phường Chiềng An; Phường Chiềng Cơi; Phường Chiềng Lê; Phường Chiềng Sinh; Phường Quyết Tâm; Phường Quyết Thắng; Phường Tô Hiệu; Xã Chiềng Cọ; Xã Chiềng Ngần; Xã Chiềng Xôm; Xã Hua La; Xã Chiềng Đen	45	54
3	Huyện Thuận Châu		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Thuận Châu	45	54
-	Các xã: Xã Bó Mười; Xã Bon Phặng; Xã Chiềng Ly; Xã Chiềng Pắc; Xã Chiềng Pha; Xã Liệp Tè; Xã Muối Nội; Xã Mường Khiêng; Xã Noong Lay; Xã Phổng Lái; Xã Phổng Lãng; Xã Tông Cọ; Xã Tông Lạnh; Xã Thôn Môn	38	42
-	Các xã: Xã Bản Lầm; Xã Co Mạ; Xã Co Tòng; Xã Chiềng Bôm; Xã Chiềng La; Xã Chiềng Ngàn; Xã É Tòng; Xã Long Hẹ; Xã Mường Bám; Xã Mường É; Xã Nậm Lầu; Xã Pá Lô; Xã Púng Tra; Xã Phổng Lập	33	33

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
4	Huyện Mai Sơn		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Hát Lót; Xã Cò Nòi; Xã Chiềng Ban; Xã Chiềng Mung; Xã Chiềng Sung; Xã Hát Lót; Xã Mường Bằng; Xã Mường Bon; Xã Nà Bó	45	50
-	Các xã: Xã Chiềng Chăn; Xã Chiềng Chung; Xã Chiềng Dong; Xã Chiềng Kheo; Xã Chiềng Lương; Xã Chiềng Mai; Xã Chiềng Ve; Xã Mường Chanh	38	42
-	Các xã: Xã Chiềng Noi; Xã Nà Ót; Xã Phiêng Cầm; Xã Phiêng Păn; Xã Tà Hộc	33	33
5	Huyện Yên Châu		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Yên Châu; Xã Chiềng Sàng; Xã Chiềng Păn; Xã Chiềng Khoi; Xã Viêng Lán; Xã Yên Sơn	45	50
-	Các xã: Xã Chiềng Hặc; Xã Tú Nang; Xã Sập Vạt	38	42
-	Các xã: Xã Chiềng Tương; Xã Chiềng Đông; Xã Chiềng On; Xã Lóng Phiêng; Xã Mường Lựm; Xã Phiêng Khoài	33	33
6	Huyện Mường La		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Ít Ong; Xã Mường Bú; Xã Mường Chùm	45	50
-	Các xã: Xã Chiềng San; Xã Mường Trai; Xã Năm Păm; Xã Pi Tong; Xã Tạ Bú	38	42
-	Các xã: Xã Chiềng Ân; Xã Chiềng Công; Xã Chiềng Hoa; Xã Chiềng Lao; Xã Chiềng Muôn; Xã Hua Trai; Xã Nậm Giôn; Xã Nậm Giôn; Xã Ngọc Chiến	33	33
7	Huyện Phù Yên		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Phù Yên; Xã Quang Huy; Xã Huy Bắc; Xã Huy Hạ; Xã Mường Côi; Xã Gia Phù	45	50

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
-	Các xã: Xã Huy Tường; Xã Tân Lang; Xã Tường Phong; Xã Huy Tân; Xã Huy Thượng; Xã Mường Lang; Xã Tường Hạ; Xã Tường Phù; Xã Tường Tiến; Xã Mường Thái; Xã Tân Phong; Xã Tường Thượng	38	42
-	Các xã: Xã Bắc Phong; Xã Đá Đỏ; Xã Kim Bon; Xã Mường Bang; Xã Mường Do; Xã Nam Phong; Xã Sập Xa; Xã Suối Bau; Xã Suối Tọ	33	33
8	Huyện Sông Mã		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Sông Mã; Xã Chiềng Cang; Xã Chiềng Khương	45	50
-	Xã Chiềng Khoong; Xã Nà Nghịu; Xã Mường Hung	38	42
-	Xã Mường Lầm; Xã Bó Sinh; Xã Chiềng En; Xã Chiềng Phung; Xã Chiềng Sợ; Xã Đứa Mòn; Xã Huổi Một; Xã Mường Cai; Xã Mường Sai; Xã Yên Hưng; Xã Nậm Mẩn; Xã Nậm Ty; Xã Pú Bấu	33	33
9	Huyện Vân Hồ		
-	Xã Vân Hồ; Xã Lóng Luông; Xã Xuân Nha; Xã Chiềng Khoa	38	42
-	Xã Chiềng Xuân; Xã Mường Tè; Xã Song Khủa; Xã Liên Hòa; Xã Tô Múa; Xã Tân Xuân; Xã Suối Bàng; Xã Quang Minh; Xã Chiềng Yên; Xã Mường Men	33	33
10	Huyện Bắc Yên		
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Bắc Yên	38	42
-	Các xã: Xã Chiềng Sại; Xã Chim Vàn; Xã Hang Chú; Xã Háng Đồng; Xã Hồng Ngải; Xã Hua Nhàn; Xã Làng Chếu; Xã Mường Khoa; Xã Pắc Ngà; Xã Phiêng Ban; Xã Phiêng Côn; Xã Song Pe; Xã Tạ Khoa; Xã Tà Xùa; Xã Xím Vàng.	33	33
11	Huyện Sốp Cộp		
-	Xã Sốp Cộp	38	42

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất Quyết định số 43/2019/QĐ-UBND	Giá đất điều chỉnh
-	Các xã: Xã Dôm Cang; Xã Mường Lạn; Xã Mường Lèo; Xã Mường Vả; Xã Nậm Lạnh; Xã Púng Bánh; Xã Sam Kha	33	33
12	Huyện Quỳnh Nhai		
-	Các xã: Xã Chiềng Bằng; Xã Chiềng Khoang; Xã Chiềng Ôn; Xã Mường Chiên; Xã Mường Giàng; Xã Mường Giôn; Xã Mường Sại; Xã Pắc Ma Pha Khinh	38	42
-	Các xã: Xã Cà Nàng; Xã Chiềng Khay; Xã Nậm Ét	33	33

ut

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 30/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La)

Phụ lục I**ĐIỀU CHỈNH CÁC BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP****4. BẢNG 04: ĐẤT RỪNG**Đơn vị: nghìn đồng/m²

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất		
		Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
1	Huyện Mộc Châu			
-	Thị trấn Nông trường Mộc Châu, Thị trấn Mộc Châu, Xã Mường Sang, Xã Phiêng Luông, Xã Tân Lập, Xã Đông Sang	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Hắc, Xã Nà Mường, Xã Chiềng Sơn, Xã Hua Păng	9	7	7
-	Các xã: Xã Tà Lại, Xã Tân Hợp, Xã Quy Hướng, Xã Chiềng Khừa, Xã Lóng Sập	9	7	7
2	Thành Phố Sơn La			
	Các xã, phường: Phường Chiềng An; Phường Chiềng Cơi; Phường Chiềng Lê; Phường Chiềng Sinh; Phường Quyết Tâm; Phường Quyết Thắng; Phường Tô Hiệu; Xã Chiềng Cọ; Xã Chiềng Ngần; Xã Chiềng Xôm; Xã Hua La; Xã Chiềng Đen	9	7	7
3	Huyện Thuận Châu			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Thuận Châu	9	7	7
-	Các xã: Xã Bó Mười; Xã Bon Phặng; Xã Chiềng Ly; Xã Chiềng Pắc; Xã Chiềng Pha; Xã Liệp Tè; Xã Muối Nội; Xã Mường Khiêng; Xã Noong Lay; Xã Phổng Lái; Xã Phổng Lãng; Xã Tông Cọ; Xã Tông Lạnh; Xã Thôn Mòn	9	7	7
-	Các xã: Xã Bản Lầm; Xã Co Mạ; Xã Co Tòng; Xã Chiềng Bôm; Xã Chiềng La; Xã Chiềng Ngâm; Xã É Tòng; Xã Long Hẹ; Xã Mường Bám; Xã Mường É; Xã Nậm Lầu; Xã Pá Lông; Xã Púng Tra; Xã Phổng Lập	9	7	7
4	Huyện Mai Sơn			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Hát Lót; Xã Cò Nòi; Xã Chiềng Ban; Xã Chiềng Mung; Xã Chiềng Sung; Xã Hát Lót; Xã Mường Bằng; Xã Mường Bon; Xã Nà Bó	9	7	7

ut

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất		
		Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
-	Các xã: Xã Chiềng Chăn; Xã Chiềng Chung; Xã Chiềng Dong; Xã Chiềng Kheo; Xã Chiềng Lương; Xã Chiềng Mai; Xã Chiềng Ve; Xã Mường Chanh	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Nọi; Xã Nà Ót; Xã Phiêng Cầm; Xã Phiêng Păn; Xã Tà Hộc	9	7	7
5	Huyện Yên Châu			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Yên Châu; Xã Chiềng Sàng; Xã Lóng Phiêng; Xã Phiêng Khoài; Xã Viêng Lán; Xã Yên Sơn	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Hặc; Xã Tú Nang; Xã Sập Vạt; Xã Chiềng Khoi; Xã Chiềng Păn	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Tương; Xã Chiềng Đông; Xã Chiềng On; Xã Mường Lựm.	9	7	7
6	Huyện Mường La			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Ít Ong; Xã Mường Bú; Xã Mường Chùm	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng San; Xã Mường Trai; Xã Năm Păm; Xã Pi Tong; Xã Tạ Bú	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Ân; Xã Chiềng Công; Xã Chiềng Hoa; Xã Chiềng Lao; Xã Chiềng Muôn; Xã Hua Trai; Xã Nậm Giôn; Xã Nậm Giôn; Xã Ngọc Chiến	9	7	7
7	Huyện Phù Yên			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Phù Yên; Xã Quang Huy; Xã Huy Bắc; Xã Huy Hạ; Xã Mường Cơi; Xã Gia Phù	9	7	7
-	Các xã: Xã Huy Tường; Xã Tân Lang; Xã Tường Phong; Xã Huy Tân; Xã Huy Thượng; Xã Mường Lang; Xã Tường Hạ; Xã Tường Phù; Xã Tường Tiến; Xã Mường Thái; Xã Tân Phong; Xã Tường Thượng	9	7	7

STT	Tên huyện, thành phố	Giá đất		
		Đất rừng sản xuất	Đất rừng phòng hộ	Đất rừng đặc dụng
-	Các xã: Xã Bắc Phong; Xã Đá Đỏ; Xã Kim Bon; Xã Mường Bang; Xã Mường Do; Xã Nam Phong; Xã Sập Xa; Xã Suối Bau; Xã Suối Tọ	9	7	7
8	Huyện Sông Mã			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Sông Mã; Xã Chiềng Cang; Xã Chiềng Khương	9	7	7
-	Xã Chiềng Khoong; Xã Nà Nghiu; Xã Mường Hung	9	7	7
-	Xã Mường Lầm; Xã Bó Sinh; Xã Chiềng En; Xã Chiềng Phung; Xã Chiềng Sơ; Xã Đứa Mòn; Xã Huổi Một; Xã Mường Cai; Xã Mường Sai; Xã Yên Hưng; Xã Nậm Mẩn; Xã Nậm Ty; Xã Pú Bấu	9	7	7
9	Huyện Vân Hồ			
-	Xã Vân Hồ; Xã Lóng Luông; Xã Xuân Nha; Xã Chiềng Khoa	9	7	7
-	Xã Chiềng Xuân; Xã Mường Tè; Xã Song Khũa; Xã Liên Hòa; Xã Tô Múa; Xã Tân Xuân; Xã Suối Bàng; Xã Quang Minh; Xã Chiềng Yên; Xã Mường Men	9	7	7
10	Huyện Bắc Yên			
-	Các xã, thị trấn: Thị trấn Bắc Yên	9	7	7
-	Các xã: Xã Chiềng Sại; Xã Chim Vàn; Xã Hang Chú; Xã Háng Đồng; Xã Hồng Ngải; Xã Hua Nhàn; Xã Làng Châu; Xã Mường Khoa; Xã Pắc Ngà; Xã Phiêng Ban; Xã Phiêng Côn; Xã Song Pe; Xã Tạ Khoa; Xã Tà Xùa; Xã Xím Vàng.	9	7	7
11	Huyện Sốp Cộp			
-	Xã Sốp Cộp	9	7	7
-	Các xã: Xã Dồm Cang; Xã Mường Lạn; Xã Mường Lèo; Xã Mường Và; Xã Nậm Lạnh; Xã Púng Bánh; Xã Sam Kha	9	7	7
12	Huyện Quỳnh Nhai			
-	Các xã: Xã Chiềng Bằng; Xã Chiềng Khoang; Xã Chiềng Ôn; Xã Mường Chiên; Xã Mường Giàng; Xã Mường Giôn; Xã Mường Sại; Xã Pắc Ma Pha Khinh	9	7	7
-	Các xã: Xã Cà Nàng; Xã Chiềng Khay; Xã Nậm Ét	9	7	7